ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25 /2019/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 14 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 11 năm 2019 và thay thế Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính; Thủ trưởng các các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐ VP, các Phòng, Ban thuộc VP;
- Lưu: VT, NN.06

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

D:\Tot19\Quy dinh\146. Ban hanh quy che thu thap thong tin tai nguyen va moi truong

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển đảo (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Các nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định.

Danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 5. Các hành vi nghiêm cấm

1. Chiếm đoạt, làm hỏng, cố ý làm mất dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Mua bán, chuyển giao, hủy trái phép dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Mang dữ liệu tài nguyên và môi trường ra nước ngoài trái phép.

6. Lợi dụng việc cung cấp dữ liệu để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các dữ liệu trái với quy định của pháp luật.

Chương II
THU THẬP VÀ QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan, trong việc thu thập, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

b) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, thực hiện:

- Tiếp nhận, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành Trung ương.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cung cấp dữ liệu thông tin về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tại địa phương theo quy định.

c) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Sở Thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin, việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan.

3. Các Sở, Ban ngành tỉnh còn lại: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, thực hiện:

a) Hàng năm xác định, lập danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường cần giao nộp (theo mẫu) gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ***ngày 15 tháng 11 hàng năm*** để tổng hợp, lập dự thảo kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập, tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.

b) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường tại địa phương; cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 7. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường và Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập và giao nộp thông tin, dữ liệu.

2. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp tài nguyên và môi trường và các tổ chức, doanh nghiệp khác (thuộc diện phải nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước) trên địa bàn tỉnh trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hoàn thành nhiệm vụ nghiệm thu sản phẩm có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ dữ liệu dạng giấy (bản chính, bản gốc) và một bộ dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD, DVD.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thuộc diện phải lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định của Bộ Tài nguyên

và Môi trường thực hiện việc truyền kết quả quan trắc môi trường tự động, liên tục trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường; đồng thời có trách nhiệm tự bảo quản, bảo dưỡng, duy trì và vận hành thiết bị để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu môi trường được quan trắc và truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản (theo mẫu) và lưu vào hồ sơ theo quy định. Biên bản giao nộp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật dữ liệu

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý; việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Điều 10. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Lưu trữ dữ liệu

a) Dữ liệu thu thập được phải phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

b) Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường được giao nhiệm vụ lưu trữ dữ liệu tài nguyên và môi trường và cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, sử dụng dữ liệu đất đai có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh.

4. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số

a) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

b) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

c) Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

Điều 11. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Chương III
CUNG CẤP, KHAI THÁC, CHIA SẺ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên cổng thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh, trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, các ấn phẩm chuyên môn; việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Điều 13. Khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 14. Thẩm quyền cung cấp, phạm vi, mức độ, đối tượng được phép khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Thẩm quyền, phạm vi, mức độ cung cấp dữ liệu

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường độ **Tối mật.**

b) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép cung cấp sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường **độ Mật.**

c) Thủ trưởng cơ quan lưu trữ dữ liệu tài nguyên và môi trường cho phép cung cấp sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường ngoài các dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 1 Điều này.

2. Đối tượng được phép khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường

Các tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu về tài nguyên, môi trường.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

- Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này.

- Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định tại Khoản 3, Điều 11 Quy chế này.

- Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.

- Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

- Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.

- Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Điều 16. Phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 17. Quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường được quy định tại Điều 3 của Quy chế này, có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường; thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng kể từ khi quy chế này được ban hành.

Dữ liệu giao nộp phải có nguồn gốc và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải giao nộp cho cơ quan quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương, tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng